

**Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST**  
**Ngày 03 tháng 6 năm 2022**  
**V/v tranh chấp: “Ly hôn”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lương Ngọc Yến Anh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Văn Thuận**

Ông **Nguyễn Văn Bạ**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Vân** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:*  
Ông **Nguyễn Giới Mạnh Phi** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Phan Thị T** - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ 10 B, phường H, thành phố T, tỉnh H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn: Ông **Lê Minh T** - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ 10 B, phường H, thành phố T, tỉnh H. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:*

Tôi và anh Lê Minh T đăng ký kết hôn tự nguyện vào năm 2005, tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang. Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nhiều lần chúng tôi tự hòa giải nhưng không có kết quả. Nay, thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 (Một) con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày: 04/7/2006. Tôi yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 24/3/2022, bị đơn ông Lê Minh T trình bày:*

Vợ chồng tôi đăng ký kết hôn từ năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang và có con chung tên Lê Minh T, sinh ngày: 04/7/2006. Trong quá trình chung sống chúng tôi có một số bất đồng quan điểm nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Do đó, tôi đề nghị Tòa cho tôi thêm thời gian để hòa giải, đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chúng tôi có 01 (Một) con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày: 04/7/2006. Trường hợp vợ chồng tôi ly hôn, tôi sẽ tôn trọng nguyện vọng của cháu muốn ở với ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Phan Thị T và bị đơn ông Lê Minh T đều vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Phan Thị T được ly hôn với ông Lê Minh T. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày: 04/7/2006 cho bà Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Lê Minh T do bà Phan Thị T không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Bà Phan Thị T và ông Lê Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005, tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, ngày đăng ký: 07/9/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của các đương sự có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị T và ông Lê Minh T không hạnh phúc do hai vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly

hôn, trong khi ông T không thuyết phục cũng như không đưa ra được biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, tại các phiên tòa ông T đều vắng mặt không có lý do, thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn, không thật sự muốn níu kéo tình cảm với bà T. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân của bà T và ông T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Các đương sự đều khai có 01 (Một) con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày: 04/7/2006. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu T tại bản tự khai đề ngày 24/3/2022. Mặt khác, ông T cũng tôn trọng nguyện vọng của con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy nên để bà Phan Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Minh T là hợp lý.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị T không yêu cầu ông Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001285 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Phan Thị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phan Thị T được ly hôn ông Lê Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày: 04/7/2006 cho bà Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau ly hôn.

Ông Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng:** Nguyên đơn bà Phan Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con chung.

**4. Về tài sản chung, nợ chung:** Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

**5. Về án phí:** Bà Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001285 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Phan Thị T đã nộp đủ án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND phường Vĩnh Hòa, Tp. Nha Trang,
- tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 71, ngày 07/9/2005);
- Lưu: Án văn + hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Ngọc Yến Anh**